

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/Tân Thành/2019



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Sản xuất Tân Thành

Địa chỉ: Đường 196, thôn Hoàng Nha, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221-3981161

Fax: 0221-3981162

E-mail: sales@hoachat.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900233631

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Dextrose Monohydrate.

2. Thành phần: Độ ẩm $\leq 10\%$, Hàm lượng Dextrose $\geq 99\%$, tro sulfat $\leq 0,25\%$, pH dung dịch 30% trong khoảng 5-6,5

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 02 năm (hai năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 25kg/bao, 800kg/bao

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologeis Co., Ltd.

Địa chỉ: Kaichuang Street, Zhalantun, Lingdong Industrial Development Area, Hulunbeier City, Inner Mongolia, China.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Như hình ảnh đóng gói đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7968:2008 về đường

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 28 tháng 11 Năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Dinh Phương Thảo



HÌNH ẢNH SẢN PHẨM



Mẫu bao 25kg



Mẫu bao 800kg

3363T-C
CÔNG TY
THÊM HỮU
I XUẤT
THÀNH
T. HUNG

Nhãn phụ của sản phẩm

Tên hàng:	Dextrose Monohydrate C₆H₁₂O₆
Số CAS/UN:	5996-10-1
Đóng gói:	25kg/ bao, 800kg/bao
Ứng dụng:	Xử lý nước thải
Xuất xứ:	Trung Quốc
NK/PP:	Công ty TNHH Sản xuất Tân Thành
Địa chỉ:	Đường 196, Minh Hải, Văn Lâm, Hưng Yên. SĐT: 02213981161
Biện pháp phòng ngừa:	Xem trên MSDS đi kèm
Bảo quản:	Bảo quản nơi khô, mát, tránh tiếp xúc trực tiếp
Ngày sản xuất:	
Hạn sử dụng:	2 năm kể từ ngày sản xuất





Số: 30028/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Dextrose monohydrate
 2. Mã số mẫu: 11197186/DV
 3. Mô tả mẫu: Mẫu dạng bột đựng trong túi nilon ghép mí 300 g, thông tin mẫu viết tay dán trên túi - Số lượng: 2
 NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
 4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
 5. Thời gian lưu mẫu: Không có
 6. Ngày nhận mẫu: 12/11/2019
 7. Thời gian thử nghiệm: 12/11/2019 - 19/11/2019
 8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TÂN THÀNH
 Địa chỉ: Đường 196, Thôn Hoàng Nha, Xã Minh Hải, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
 9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.2*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.3*	Tổng số bào tử nấm mốc-men	CFU/g	TCVN 8275-1:2010	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.4	Góc quay cực (tính theo khối lượng chất khô)	Độ	TCVN 6469:2010	52,8
9.5*	Độ ẩm	g/100g	NIFC.02.M.02	8,65
9.6	Hàm lượng Tro sulfat	g/100g	NIFC.02.M.05	0,02
9.7	Hàm lượng Dextrose (tính theo chất khô)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	99,9
9.8	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	NIFC.02.M.10	1,89
9.9	Hàm lượng Chloride	mg/kg	NIFC.03.M.25	KPH (LOD: 5 mg/kg)
9.10	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,011 mg/kg)
9.11	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.12	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,029
9.13	Hàm lượng Đồng	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,012 mg/kg)
9.14	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.15	pH (dung dịch 30%)	-	NIFC.05.M.196	6,14

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2019

TUQ.VIỆN TRƯỞNG



**TRƯỞNG PHÒNG
KẾ HOẠCH - HTQT
Nguyễn Văn Nhiên**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
 4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định